

Trường Tiểu học Trùng Khánh

Họ và tên:

Lớp 4...

BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM

MÔN TOÁN - LỚP 4

Năm học 2014-2015

Thời gian 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

Điểm	Nhận xét

A- PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)

Khoanh tròn vào chữ cái trước kết quả đúng và hoàn thành các bài tập sau:

Câu 1. Giá trị của chữ số 7 trong số 9 873 624 là:

- A . 700 B. 7 000 C. 70 000 D. 700 000

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để 2km 8m = m là:

- A. 2800 B. 280 C. 20800 D. 2008

Câu 3. Phân số bằng phân số $\frac{3}{9}$ là:

- A. $\frac{4}{12}$ B. $\frac{6}{9}$ C. $\frac{18}{12}$ D. $\frac{6}{12}$

Câu 4. Kết quả của phép cộng $\frac{6}{7} + \frac{5}{14}$ là:

- A. $\frac{11}{21}$ B. $\frac{11}{14}$ C. $\frac{17}{14}$ D. $\frac{11}{7}$

Câu 5. Phân số nào lớn hơn 1?

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{4}{3}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{4}{5}$

Câu 6. Diện tích hình bình hành có độ dài đáy 3dm, chiều cao 23cm là:

- A. 690cm B. 690cm² C. 69dm² D. 69cm²

B. PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

Câu 7. a, Tính (2 điểm)

$$\frac{7}{12} + \frac{1}{4}$$

$$\frac{15}{7} : \frac{5}{8}$$

$$123 \times 54$$

$$3968 : 32$$

b, Tính (1 điểm)

$$13 \times 25 + 75 \times 13 = \dots\dots\dots$$

$$\frac{11}{10} - \frac{2}{5} : \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$$

.....

.....

Câu 8. a, Tìm X (1 điểm)

$$X + \frac{1}{4} = \frac{9}{16}$$

$$X \times \frac{3}{7} = \frac{6}{21}$$

b, Điền số ? (0.5điểm)

$$1 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = \dots\dots \text{ phút}$$

$$2\text{m}^2 \text{ } 3\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$$

Câu 9. (1,5 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 80m, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó.

Bài giải

Câu 10. (1 điểm) Tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là 35 tuổi. Biết tuổi mẹ gấp 6 lần tuổi con. Hỏi hiện nay con bao nhiêu tuổi?

Bài giải

Tổ chuyên môn thống nhất đáp án và biểu điểm chi tiết.

Họ tên GV coi, chấm:

Chữ ký PHHS:

HƯỚNG DẪN CHẤM

A- PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)

CÂU	ĐÁP ÁN	BIỂU ĐIỂM
<i>Câu 1</i>	C	0,5 điểm
<i>Câu 2</i>	D	0,5 điểm
<i>Câu 3</i>	A	0,5 điểm
<i>Câu 4</i>	C	0,5 điểm
<i>Câu 5</i>	B	0,5 điểm
<i>Câu 6</i>	B	0,5 điểm

B- PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

<i>Câu 7</i>	a. Mỗi phép tính đúng 0,5 điểm	2 điểm
	b. Mỗi biểu thức đúng cho 0.5 điểm	1 điểm
<i>Câu 8</i>	a. Mỗi biểu thức đúng 0,5 điểm	1 điểm
	b. Mỗi ý đúng cho 0.25 điểm	0,5 điểm
<i>Câu 9</i>	- Tìm được chiều rộng (đúng câu trả lời và phép tính) 40 m	0,5 điểm
	- Tìm đúng diện tích (đúng câu trả lời và phép tính) 3200m ²	0,75 điểm
	- Đáp số.	0,25 điểm
<i>Câu 10</i>	- Tìm được tổng số phần bằng nhau.	0,25 điểm
	- Tìm được tuổi con	0,5 điểm
	- Đáp số	0,25 điểm